

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **376/2022/HS-ST**
Ngày: 31-8-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;
2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 330/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 361/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 782/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn D**; Tên gọi khác: ; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986; Nơi cư trú: 136/2, khu phố 2A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Họ tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1945 (đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị N, sinh năm 1947 (đã chết); Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Mai Thị T, sinh năm 1986; Có 01 con chung tên Nguyễn Mai Ngọc D, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 14/01/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 155 ngày 16/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 134/8, tổ 39, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; (Vắng mặt)

2. Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 19/88, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ; (Vắng mặt)

3. Ông Bùi Duy T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đội 2B, xã T, huyện Q, tỉnh N; (Vắng mặt)

4. Ông Trịnh Đình M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Y, tỉnh T. (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 26, xã X, huyện T, tỉnh T. (Vắng mặt)

6. Ông Chu Đức L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 7, xã T, huyện C, tỉnh P. (Vắng mặt)

7. Ông Hà Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 247/38, tổ 1, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 14 giờ ngày 10/02/2018, ông Nguyễn Xuân H, ngụ tại: 134/8 tổ 39, khu phố 2, phường L, thành phố B; ông Trịnh Văn Q, ngụ tại: 19/88, khu phố 1, phường L, thành phố B; ông Bùi Duy T, ngụ tại: Đội 2B, xã T, huyện Q, tỉnh N; ông Trịnh Đình M, ngụ tại: Thôn 3, xã Q, huyện Y, tỉnh T; ông Nguyễn Ngọc C, ngụ tại: Xóm 26, xã X, huyện T, tỉnh T; ông Chu Đức L, ngụ tại: Đội 7, xã T, huyện C, tỉnh P và Trần Văn S, ngụ tại: Xã L, huyện T, tỉnh S cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào thắng thua bằng tiền tại quán cà phê "K" ở tổ 20, khu phố 8A, phường L, thành phố B. Trong quá trình chơi bạc do bị thua nên Trần Văn S đi về và gọi điện thoại cho Đinh Đồng T, Nguyễn Văn D và một số đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) đến chỗ ở của S tại số 134/9, tổ 3, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tại đây S nói rằng nhóm của ông H chơi gian lận nên rủ cả nhóm đi đến quán cà phê "K" để lấy lại số tiền Sở dĩ thua bạc thì cả nhóm đồng ý và S quay lại quán cà phê "K" giả vờ tiếp tục chơi bạc với nhóm

của ông H. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi S đang chơi đánh bạc cùng nhóm của ông H thì T, D cùng nhóm đối tượng của S gọi đến (khoảng 07 đối tượng) mang theo tuýp sắt và dao tự chế xông vào quán, lúc này T hô lên “tất cả ngồi im”, còn 01 đối tượng cầm dao tự chế dài khoảng 80cm chém vào cửa kính và chém xuống bàn nơi nhóm của ông H dùng để đánh bạc rồi nói “đưa nào đánh bạc bịp tiền của anh S thì phải trả lại”, tiếp đó 01 đối tượng kề dao vào cổ ông T và yêu cầu tất cả mọi người phải lấy tiền ra. Do hoảng sợ nên ông H lấy trong túi ra 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng), ông Trịnh Đình M lấy ra 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng); ông Chu Đức L lấy ra 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); ông Nguyễn Ngọc C lấy ra 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); ông Trịnh Văn Q lấy ra 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng); ông Hà Văn H, ngụ tại: 247/38 H, tổ 1, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ (là chủ quán cà phê "K") đang đứng gần đó cũng bị các đối tượng dùng dao yêu cầu móc túi lấy ra 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), sau đó các đối tượng trong nhóm của T, D, S lấy hết tiền của những người trên, còn ông T do giấu tiền dưới ghế ngồi nên không bị chiếm đoạt. Sau khi chiếm đoạt được tiền S quay lại trả lại cho ông H 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi cả nhóm bỏ đi. Sau đó, ông H tìm hiểu thì được biết trong số các đối tượng có Phạm Quang T, ngụ tại: 134/9 tổ 3 khu phố 8A, phường L, thành phố B và Đinh Đồng T nên ông H đến nhờ anh Nguyễn Viết T, ngụ tại: A 440, tổ 8, khu phố 1, phường L, thành phố B để nói với các đối tượng trả lại tiền vì anh H biết anh T có quen biết với anh trai của Phạm Quang T. Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, Phạm Quang T, Trần Văn S, Đinh Đồng T và Nguyễn Văn D đến gặp ông H và ông T xin trả lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng ông H không đồng ý nên khoảng 30 phút sau thì có một người không rõ lai lịch đến đưa cho ông T 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nhờ ông T đưa lại cho ông H. Sau đó ông T và ông H đến Công an phường L trình báo. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Đinh Đồng T và Nguyễn Văn D. Ngày 02/4/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã bắt giữ Đinh Đồng T theo quyết định truy nã và sau đó T đã được đưa ra xét xử. Ngày 14/01/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã bắt giữ Nguyễn Văn D theo quyết định truy nã để điều tra, xử lý.

Về dân sự: Ông Hà Văn H không yêu cầu bồi thường; ông Nguyễn Xuân H, ông Trịnh Văn Q, ông Trịnh Đình M, ông Nguyễn Ngọc C, ông Chu Đức L đã tự thỏa thuận với gia đình các đối tượng và nhận tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì khác.

2. Các vấn đề khác:

Đối với hành vi đánh bạc của ông Nguyễn Xuân H, ông Trịnh Văn Q, ông Bùi Duy T, ông Trịnh Đình M, ông Nguyễn Ngọc C, ông Chu Đức L và Trần Văn S do chưa đủ căn cứ xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục làm rõ và xử lý sau.

Đối với Trần Văn S sau khi sự việc xảy ra đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục xác minh, truy tìm Trần Văn S và các đối tượng có liên quan để làm rõ và xử lý sau.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 346/CT-VKSBH-HS ngày 25/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 năm tù đến 08 năm tù.
- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo D có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại ông Nguyễn Xuân H, ông Trịnh Văn Q, ông Bùi Duy T, ông Trịnh Đình M, ông Nguyễn Ngọc C, ông Chu Đức L, ông Hà Văn H vắng mặt không có lý do, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/02/2018, do chơi bạc thua nên Trần Văn S đã rủ Đinh Đồng T, Nguyễn Văn D cùng một số đối tượng chưa rõ họ tên, địa chỉ sử dụng ống tuýp sắt và dao tự chế để uy hiếp và cướp của ông Nguyễn Xuân H 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng), ông Trịnh Đình M 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng); ông Chu Đức L 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); ông Nguyễn Ngọc C 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); ông Trịnh Văn Q 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng); ông Hà Văn H 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), còn ông Bùi Duy T do giấu tiền dưới ghế ngồi nên không bị chiếm đoạt. Sau đó, Trần Văn S cùng đồng bọn bỏ trốn. Đến ngày 14/01/2022, Nguyễn Văn D bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn D cùng đồng bọn đã chiếm đoạt là 22.100.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2, Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 346/CT-VKSBH-HS ngày 25/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe con người; gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc cướp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự là các tình tiết theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo D để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về các vấn đề khác có liên quan tới vụ án:

Đối với hành vi đánh bạc của ông Nguyễn Xuân H, ông Trịnh Văn Q, ông Bùi Duy T, ông Trịnh Đình M, ông Nguyễn Ngọc C, ông Chu Đức L và Trần Văn S do chưa đủ căn cứ xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục làm rõ và xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Văn S sau khi sự việc xảy ra đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục xác minh, truy tìm Trần Văn S và các đối tượng có liên quan để làm rõ và xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại ông Hà Văn H không yêu cầu bồi thường; Ông Nguyễn Xuân H, ông Trịnh Văn Q, ông Trịnh Đình M, ông Nguyễn Ngọc C, ông Chu Đức L đã tự thỏa thuận với gia đình các đối tượng và nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2022.**

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hòa

